

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833801] - Thực tập lắp đặt tủ
điều khiển (CCQ2215A)

CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt: 18...

Số bài thi:18...

Số tờ giấy thi: 18...

Đỗ Phương Nam *NVN Thuận* *Đỗ Phương Nam* *NVN Thuận*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150028	Lê Tấn Bằng	29/09/2004	CCQ2215A		<i>[Signature]</i>	7	7	7,6
2	2122150013	Nguyễn Quốc Bảo	29/05/2004	CCQ2215A		<i>Bảo</i>	8	8	8,0
3	2122150040	Huỳnh Duy Bình	08/10/2004	CCQ2215A		<i>[Signature]</i>	7,8	7	7,3
4	2122150002	Trương Thanh Bình	07/10/2003	CCQ2215A		<i>[Signature]</i>	7	7	7,0
5	2122150026	Hoàng Nguyễn Nhật Đăng	09/08/2004	CCQ2215A		<i>[Signature]</i>	7	6,5	6,7
6	2122150027	Lữ Phan Thành Đạt	12/02/2004	CCQ2215A		<i>[Signature]</i>	7,8	7,5	7,6
7	2122150034	Nguyễn Xuân Giáp	16/12/2004	CCQ2215A		<i>Giáp</i>	7,2	7	7,1
8	2122150024	Huỳnh Thanh Hào	02/03/2004	CCQ2215A		<i>Hào</i>	8	8	8,0
9	2122150023	Nguyễn Quốc Hoài	08/01/2004	CCQ2215A		<i>Hoài</i>	8	8	8,0
10	2122150036	Nguyễn Khắc Nam Hoàng	21/03/2004	CCQ2215A		<i>Võng</i>	5	0	2,0
11	2122150021	Hoàng Văn Huân	06/06/2004	CCQ2215A		<i>Huân</i>	8	7,8	7,4
12	2122150032	Vi Tuấn Hùng	21/03/2004	CCQ2215A		<i>[Signature]</i>	8	7,5	7,7
13	2122150018	Đinh Văn Huy	27/02/2004	CCQ2215A		<i>Huy</i>	7	7,0	7,0
14	2122150043	Già Tấn Huyền	17/06/2004	CCQ2215A		<i>Huyền</i>	9	9	9,0
15	2122150020	Trần Minh Khôi	30/07/2001	CCQ2215A		<i>Khôi</i>	8	8,5	8,3
16	2122150015	Nguyễn Huỳnh Minh Lý	12/04/2004	CCQ2215A		<i>Lý</i>	8	8	8,0
17	2122150101	Nguyễn Minh Lý	28/12/2003	CCQ2215A		<i>[Signature]</i>	9,5	9,5	9,5
18	2122150004	Phan Văn Lý	26/06/2004	CCQ2215A		<i>[Signature]</i>	7	7	7,0
19	2122150011	Lê Quốc Mạnh	16/01/2004	CCQ2215A		<i>[Signature]</i>	8	8	8,0
20	2122150022	Nguyễn Đức Mạnh	01/03/2004	CCQ2215A		<i>V. M. Mạnh</i>	0	0	0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22818501] - Thực tập lắp đặt tủ điều khiển (CCQ2214A)

CBGD: Đỗ Phương Nam (280005)

Số SV có mặt: 18...
Số bài thi:18...
Số tờ giấy thi: 18...

Đỗ P. Nam *Nguyễn Văn Tuấn* *Đỗ P. Nam* *Nguyễn Văn Tuấn*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122140018	Đặng Hữu	Bằng	13/03/2003	CCQ2214A		<i>Văng</i>	0	0	0
2	2122140044	Phạm Văn	Đặng	16/03/2004	CCQ2214B		<i>Phạm Văn</i>	6	6	6,6
3	2122140026	Mai Tấn	Đạt	30/01/2004	CCQ2214A		<i>Mai Tấn</i>	7,5	6,5	7,0
4	2122140063	Phan Đức	Đạt	10/04/2004	CCQ2214B		<i>Phan Đức</i>	7	7	7,0
5	2122140025	Lê Thanh	Đồng	22/11/2004	CCQ2214A		<i>Đồng</i>	7,0	6,5	6,7
6	2122140052	Trần Đại	Đồng	22/02/2004	CCQ2214B		<i>Trần Đại</i>	6,5	6,5	6,5
7	2122140066	Hà Trường	Giang	20/07/2004	CCQ2214B		<i>Hà Trường</i>	8,5	9	8,8
8	2122140029	Lê Đức	Hiệu	04/11/2004	CCQ2214A		<i>Lê Đức</i>	5	6,0	6,0
9	2122140051	Đặng Công	Hòa	14/03/2004	CCQ2214B		<i>Đặng Công</i>	6	6	6,0
10	2122140031	Lê Hùng	Khánh	07/02/2004	CCQ2214A		<i>Lê Hùng</i>	6,5	6,5	6,5
11	2122140002	Đào Văn	Khương	08/06/2004	CCQ2214A		<i>Đào Văn</i>	7,0	6,5	6,7
12	2122140017	Phan Văn	Lưu	19/07/2004	CCQ2214A		<i>Phan Văn</i>	0	0	
13	2121140002	Bùi Minh	Nhật	26/02/2003	CCQ2114A		<i>Nhật</i>	6,5	6	6,2
14	2122140012	Nguyễn Phi	Tài	06/07/1997	CCQ2214A		<i>Tài</i>	9	9,3	9,2
15	2122140013	Tô Minh	Thị	04/02/2004	CCQ2214A		<i>Thị</i>	9	8,5	8,7
16	2122140014	Hà Trung	Tín	13/10/2004	CCQ2214A		<i>Tín</i>	8,5	9	8,8
17	2122140003	Huỳnh Văn	Trung	12/04/2004	CCQ2214A		<i>Huỳnh Văn</i>	6	6	6,0
18	2122140016	Lê Quốc	Trung	17/02/2004	CCQ2214A		<i>Lê Quốc</i>	7,3	6,5	6,8
19	2122140006	Đặng Nguyên Huy	Viễn	16/12/2003	CCQ2214A		<i>Đặng Nguyên Huy</i>	8,5	8,5	8,5
20	2122140005	Mai Xuân	Vũ	02/11/2004	CCQ2214A		<i>Mai Xuân</i>	7,0	6,5	6,7